

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2025/DS-ST
Ngày 18/6/2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bảo Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thanh Nhanh

Ông Nguyễn Thanh Rực

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiền-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như-Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 24/2025/TLST-DS ngày 01/4/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2025/QĐXXST-DS ngày 13/5/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp A, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1942 và bà Nguyễn Thị Trúc D, sinh năm 1992; Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa thì nguyên đơn là ông Trần Văn H trình bày:

Ngày 12/01/2023, bà D đến nhà của ông H vay số tiền là 150.000.000 đồng có thể chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B597895 do UBND huyện L cấp ngày 06/12/1994 cho ông Đ là cha chồng của bà D ủy quyền cho bà D thế chấp. Khi cho vay tiền thì ông H1 và bà D có làm “Tờ thỏa thuận cổ đất nông nghiệp” cùng ngày và có chứng thực chữ ký của UBND xã L, huyện L, sau khi ký kết tờ thỏa thuận thì ông H đã giao đủ số tiền 150.000.000 đồng cho bà

D, lãi suất cho vay là 05%/tháng bắt đầu tính từ ngày 12/01/2025. Vào ngày 12/02/2023 thì bà D trực tiếp thanh toán số tiền lãi cho ông H được 10.000.000 đồng. Việc làm từ cổ đất thực tế là để vay tiền chứ ông H không có nhận đất sử dụng hay canh tác gì.

Vào ngày 26/02/2023 thì bà D tiếp tục đến nhà ông H hỏi vay thêm số tiền là 50.000.000 đồng thì ông H đồng ý. Khi vay tiền thì bà D ký nhận tiền vào mặt sau của “Tờ thỏa thuận cổ đất nông nghiệp” ngày 12/01/2023, ông H cũng đã giao đủ số tiền 50.000.000 đồng cho bà D, lãi suất cho vay là 05%/tháng bắt đầu tính từ ngày 26/02/2023 nhưng từ đó đến nay khoản vay này thì bà D không thanh toán tiền lãi.

Đến ngày 15/01/2024, khi ông H gửi đơn đến UBND xã L thì ông Đ có viết “Tờ cam kết” cùng ngày và có chứng thực chữ ký của UBND xã L, huyện L cam kết thanh toán nợ chia làm 02 lần gồm: lần 1 vào ngày 05/02/2024 thanh toán 100.000.000 đồng và lần 2 là ngày 25/6/2024 là 100.000.000 đồng nhưng đến nay vẫn không thanh toán gốc và lãi.

Nay ông H yêu cầu giải quyết buộc ông Đ và bà D cùng liên đới thanh toán số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và thay đổi yêu cầu về lãi chỉ yêu cầu tính tiền lãi tính từ ngày 26/6/2024 đến ngày xét xử là 18/6/2025 với mức lãi suất 10%/năm (tức 0,83%/tháng) và tiếp tục chịu khoản tiền lãi này tính từ ngày 19/6/2025 cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ. Ngoài ra, khi nào ông Đ và bà D thanh toán xong tất cả các khoản nợ thì ông H đồng ý trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B597895 do UBND huyện L cấp ngày 06/12/1994 cho ông Huỳnh Văn Đ.

Đối với bị đơn là ông Huỳnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Trúc D vắng mặt trong suốt quá trình hoạt động tố tụng của Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa, bị đơn là ông Huỳnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Trúc D vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan nên căn cứ Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ

luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các bị đơn nêu trên.

[2]. Ông Trần Văn H yêu cầu ông Huỳnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Trúc D có nơi cư trú tại xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng cùng liên đới thanh toán số tiền nợ vay nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và Tòa án nhân dân huyện Long Phú đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3]. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông H thay đổi yêu cầu về phần tiền lãi. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của ông H là do đương sự tự quyết định, tự định đoạt, hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ Khoản 1 Điều 5, Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Đối với các bị đơn sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự nêu trên nhưng vẫn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tiến hành tố tụng, không có ý kiến gì hay gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hay ý kiến của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[5]. Ông Trần Văn H thừa nhận vào ngày 12/02/2023 thì bà D đã thanh toán số tiền lãi 01 tháng cho ông H được 10.000.000 đồng đối với khoản nợ vay gốc là 150.000.000 đồng.

Tại “Tờ thỏa thuận cổ đất nông nghiệp ngày 12/01/2023” có chữ ký, chữ viết của bà D và được chứng thực của UBND xã L, huyện L thể hiện bà D có vay của ông H 02 lần số tiền là 200.000.000 đồng.

Tại “Tờ cam kết ngày 15/01/2024” có chữ viết, chữ ký của ông Đ cũng được chứng thực của UBND xã L, huyện L thể hiện với nội dung cam kết thanh toán nợ chia làm 02 lần gồm: lần 1 vào ngày 05/02/2024 thanh toán 100.000.000 đồng và lần 2 là ngày 25/6/2024 là 100.000.000 đồng.

Đây là những tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Những tình tiết, sự kiện đã được ghi trong văn bản và được công chứng, chứng thực hợp pháp”; “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*.

[6]. Xét thấy, như nhận định ở mục [5]. thì việc ông H có cho bà D vay số tiền và ông Đ là người cam kết, bảo lãnh cùng với bà D trả nợ cho ông H là có thật.

Căn cứ vào Điều 280 và Khoản 1 Điều 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng*

địa điểm và phương thức đã thỏa thuận; Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”; “Nghĩa vụ liên đới là nghĩa vụ do nhiều người cùng phải thực hiện và bên có quyền có thể yêu cầu bất cứ ai trong số những người có nghĩa vụ phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ.”.

Do đó, việc ông H yêu cầu ông Đ liên đới cùng với bà D phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay là phù hợp.

[7]. Theo nội dung “Tờ cam kết ngày 15/01/2024” thì nghĩa vụ thanh toán nợ chia làm 02 lần gồm: lần 1 vào ngày 05/02/2024 thanh toán 100.000.000 đồng và lần 2 là ngày 25/6/2024 là 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông H thống nhất xác định thời hạn thanh toán cuối cùng của khoản vay này là ngày 25/6/2024 nên Hội đồng xét xử xác định thời hạn vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ vay của ông Đ và bà D là ngày 25/6/2024.

Căn cứ vào Điều 463, Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản...”* và *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”*

Với quy định nêu trên, do ông Đ và bà D đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản nên phải cùng liên đới thanh toán tiền nợ gốc đã vay là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên, do mức lãi suất đã thỏa thuận hàng tháng là 05%/tháng (60%/năm) và bà D đã thanh toán tiền lãi 01 tháng là 10.000.000 đồng của khoản nợ gốc 150.000.000 đồng là vượt mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay... Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực”*, mức lãi suất theo quy định là 20%/năm (tức 1,66%/tháng) nên phần lãi suất vượt mức nêu trên quy định sẽ không có hiệu lực nên cần khấu phần tiền lãi suất vượt mức quy định vào số tiền nợ gốc là hoàn toàn phù hợp, cụ thể:

Tiền lãi theo quy định hàng tháng phải thanh toán trên số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng là: $150.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/năm (1.66\%/tháng) = 2.490.000 \text{ đồng}$ nên phần lãi vượt là $10.000.000 \text{ đồng} - 2.490.000 \text{ đồng} = 7.510.000 \text{ đồng}$

Do đó, đối với phần lãi suất không có hiệu lực sẽ được trừ vào tiền gốc nên ông Đ và bà D còn phải liên đới thanh toán cho ông H số tiền nợ gốc là $200.000.000 \text{ đồng} - 7.510.000 \text{ đồng} = 192.490.000 \text{ đồng}$.

[8]. Về lãi suất: Do đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi nhưng đến nay ông Đ và bà D vẫn không thanh toán đủ số tiền nợ gốc nên yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ gốc còn phải thanh toán và tiếp tục tính lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ngày 19/6/2025 cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ là hoàn toàn phù hợp với quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 5; điểm b, c Khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội

đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Thời hạn tính lãi từ ngày 25/6/2024 đến ngày 18/6/2025, tổng cộng là 11 tháng 24 ngày nên tiền lãi ông Đ và bà D phải thanh toán cho ông H là: 192.490.000 đồng x 10%/năm (tức 0,83%/tháng) x 11 tháng 23 ngày = 18.873.959 đồng.

[9]. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn H khi ông Huỳnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Trúc D phải liên đới thanh toán xong tất cả các khoản nợ thì ông Trần Văn H đồng ý trả lại cho ông Huỳnh Văn Đ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B597895 do UBND huyện L cấp ngày 06/12/1994 cho ông Huỳnh Văn Đ.

[10]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định. Riêng đối với phần nợ gốc nguyên đơn yêu cầu không được chấp nhận là 7.510.000 đồng thì nguyên đơn phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định.

[11]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1, Khoản 2 Điều 92; Khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 244; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 280; Khoản 1 Điều 288; Điều 463; Khoản 1, Khoản 5 Điều 466; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trần Văn H đối với bị đơn là ông Huỳnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Trúc D về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc ông Huỳnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Trúc D cùng liên đới thanh toán cho ông Trần Văn H tổng số tiền nợ vay tại “Tờ cam kết ngày 15/01/2024” là 211.363.599 đồng, bao gồm tiền nợ gốc là 192.490.000 đồng và tiền nợ lãi là 18.873.959 đồng.

Kể từ ngày 19/6/2025, ông Huỳnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Trúc D còn phải liên đới chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn H khi ông Huỳnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Trúc D phải liên đới thanh toán xong tất cả các khoản nợ thì ông Trần Văn H đồng ý trả lại cho ông Huỳnh Văn Đ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B597895 do UBND huyện L cấp ngày 06/12/1994 cho ông Huỳnh Văn Đ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn H phải chịu án phí sơ thẩm là 375.500 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp là 5.750.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009295 ngày 31/3/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Hoàn trả cho ông Trần Văn H số tiền tạm ứng án phí còn thừa sau khi đã khấu trừ là 5.374.500 đồng.

Ông Huỳnh Văn Đ và bà Nguyễn Thị Trúc D cùng lên đới chịu án phí sơ thẩm là 10.567.123,5 đồng làm tròn là 10.567.123 đồng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Bảo Quốc

